

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2009**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**



## **Nội dung**

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	4
I. Lịch sử hoạt động của Công ty.....	6
1. Thông tin chung .....	6
2. Những sự kiện quan trọng.....	6
3. Quá trình phát triển.....	7
a. Ngành nghề kinh doanh.....	7
b. Tình hình hoạt động.....	8
c. Các thành tích đạt được .....	10
4. Định hướng phát triển.....	12
a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty .....	12
b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	12
II. Báo cáo của Hội đồng quản trị.....	14
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm.....)	14
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	16
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới.....)	16
a. Công tác XD CB-Mua sắm máy móc thiết bị.....	16
b. Công tác phát triển thị trường .....	17
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	17
III. Báo cáo của Ban Giám đốc .....	19
1. Báo cáo tình hình tài chính .....	19
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	21
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được .....	22
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	24
IV. Báo cáo Ban kiểm soát .....	25
1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2009.....	25
2. Các kiến nghị của Ban Kiểm Soát.....	25
a. Về công tác đầu tư.....	25
b. Công tác sản xuất kinh doanh .....	26
c. Về công tác tài chính kế toán .....	26
d. Về công tác quản lý nhân sự .....	26
V. Ý kiến của kiểm toán viên .....	27
VI. Các công ty có liên quan.....	27
1. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan .....	27
2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan .....	28
a. Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long.....	28
b. Công ty TNHH một thành viên Domyfeed.....	28
VII. Tổ chức và nhân sự.....	30
1. Cơ cấu tổ chức của công ty .....	30
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Giám Đốc.....	31

3.	Quyền lợi của Ban Giám đốc:.....	31
4.	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	32
a.	Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty.....	32
b.	Chính sách đối với người lao động.....	32
5.	Những thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.....	35
VIII.	Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty .....	35
1.	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng .....	35
a.	Hội Đồng Quản Trị.....	35
c.	Ban Kiểm Soát .....	39
d.	Quyền lợi của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát trong năm 2009.....	40
e.	Kế toán trưởng.....	40
f.	Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.....	40
g.	Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên. ....	41
2.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn .....	41
a.	Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước.....	41
b.	Cổ đông lớn, nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	42
c.	Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 28/02/2010.....	43
d.	Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập .....	44
e.	Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài.....	46
IX.	Báo cáo tài chính kiểm toán.....	47
1.	Báo cáo kiểm toán .....	47
2.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính .....	54

## **Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

### **Kính thưa quý vị,**

Trong những năm vừa qua, Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long (Công ty) luôn rất tự hào là một trong mười công ty có sản lượng gạo xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Sự thành công của Công ty luôn đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước và nền nông nghiệp nước nhà. Để có được những bước tiến vững trãi như vậy, không thể không tính đến nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, sự tin tưởng và ủng hộ của các quý vị cổ đông của Công ty trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long bước vào năm 2009 trong bối cảnh kinh tế thế giới đang suy thoái do chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Sự suy thoái ngày càng nặng nề của kinh tế thế giới đã thu hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn và tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội của nước ta. Bên cạnh đó, thời tiết diễn biến bất thường với những đợt mưa lũ lớn kéo dài tại nhiều tỉnh vùng Trung bộ, mưa trái mùa và triều cường tại đồng bằng sông Cửu Long càng làm cho nền nông nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề.

Theo thống kê của Bộ NN&PTNT, năm 2009, tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 43,33 triệu tấn, tăng 24.000 tấn (tăng 0,1%) so với năm 2008; trong đó sản lượng lúa đạt 38,9 triệu tấn, tăng 166.000 tấn (tương đương 0,4%). Diện tích gieo cấy lúa cả năm ước đạt 7.440.100 ha, tăng 39.900 ha (tăng 0,5%) so năm 2008. Năng suất lúa cả năm đạt 52,3 tạ/ha, tương đương mức năng suất năm 2008.

Tuy vậy, với nỗ lực của mình, Công ty đã hoàn thành 83% kế hoạch tổng doanh thu, vượt kế hoạch về lợi nhuận là 117%. Công ty cũng đầu tư sửa chữa hoàn thiện, nâng cấp kho tàng và đầu tư mua sắm thêm một số thiết bị như sắp xếp dây chuyền máy, lắp đặt cân điện tử, bồn chứa thành phẩm, máy xát trắng, máy in bao PP,... để cải thiện điều kiện làm việc, sản xuất nâng sức chứa, tăng độ thông thoáng của kho nhằm tạo thuận lợi cho việc bảo quản tốt, giảm tổn thất, tiện sắp xếp kho hàng và bốc dỡ hàng hoá. Hướng tới năm 2010, Công ty luôn xác định đường hướng phát triển của mình là cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh, mở rộng thị trường kinh doanh và mặt hàng kinh doanh, và mang đến tăng trưởng về mặt giá trị cho quý vị cổ đông. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng hoàn thiện hệ thống tổ chức, đào tạo và đào tạo lại cán bộ

nhân viên đủ trình độ và tay nghề để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, hướng đến mục tiêu dài hạn là **trở thành một trong ba Công ty hàng đầu về kinh doanh lương thực ở Việt Nam.**

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long, tôi xin được thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đến sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ tích cực của các ban ngành hữu quan, sự tin tưởng và ủng hộ của các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và đối tác, và đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty trong những năm qua.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Phan Thị Ánh**

## **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

### **1. Thông tin chung**

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Tên tiếng Anh	Vinh Long Cereal and Food Import Export Corporation
Vốn điều lệ	104.000.000.000 VNĐ (một trăm lẻ bốn tỷ đồng)
Tổng số lượng cổ phần	10.400.000 cổ phần
Trụ sở chính	Số 38, Đường 2/9, Phường 1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
Điện thoại	(070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712
Fax	(070) 3823 773
Website	<a href="http://www.vinhlongfood.com.vn">www.vinhlongfood.com.vn</a>
Email	<a href="mailto:vinhlongfood@hcm.vnn.vn">vinhlongfood@hcm.vnn.vn</a>

### **2. Những sự kiện quan trọng**

- Ngày 13/04/1993, theo Quyết định số 190/UBT của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long, Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long được hình thành do sự sáp nhập của Công ty Lương Thực Thực Phẩm Tỉnh Vĩnh Long và Công ty Lương Thực Thị xã Vĩnh Long.
- Cuối năm 1995 theo Quyết định số 40/CP của Thủ tướng Chính phủ, Công ty được bàn giao về Tổng công ty Lương Thực Miền Nam hoạt động cho đến nay.
- Hiện Công ty là thành viên của Hiệp hội lương thực Việt Nam, Hội viên phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam, và có chi nhánh đại diện đặt tại số 31 Nguyễn Kim - quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 01/08/2006, Công ty đã nhận được Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc chuyển đổi Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long thành Công ty cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long với vốn đăng ký kinh doanh là 52.000.000.000 đồng.
- Ngày 03/03/2009, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc chia bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 104 tỷ đồng và niêm yết toàn bộ 10.400.000 cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và tiến hành thực hiện các trình tự hồ sơ thủ tục niêm yết;

- Ngày 22/09/2009, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và UBCKNN, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 1:1. Như vậy, nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu của công ty tăng lên 104.000.000.000 đồng tương ứng với số lượng cổ phiếu tăng lên 10,4 triệu cổ phiếu.

### **3. Quá trình phát triển**

#### **a. Ngành nghề kinh doanh**

- Mua bán lương thực thực phẩm, nông lâm sản, nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- Mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy; Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);
- Mua bán đồ gia dụng thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến bảo quản thủy sản, sản phẩm từ thủy sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;
- Hoạt động kho bãi;

- Dệt bao bì nhựa PV và PE;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất đồ uống không cồn.

## **b. Tình hình hoạt động**

Bước vào năm 2009, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty hiện như sau:

### ➤ **Kinh doanh lương thực:**

- Kinh doanh lương thực năm 2009 so với năm 2008 có khó khăn và rủi ro hơn do thị trường gạo thế giới nửa cuối năm 2009 trầm lắng, số lượng giao dịch ít, giá thấp, cụ thể gạo 5% tám thời điểm đầu năm 470 USD/MT đến tháng 9/2009 giảm còn 390 USD/MT, gạo 25% tám 384 USD/MT giảm còn 320 USD/MT. Tình hình trong nước lúa gạo tồn đọng trong dân và các doanh nghiệp xuất khẩu lớn, trong khi đó lượng tồn kho của Công ty tại thời điểm khá lớn và giá bình quân ở mức cao do mua từ đầu năm. Trước tình hình khó khăn trên, Ban Tổng Giám đốc đã có những quyết đoán mạnh dạn trong việc ký kết hợp đồng xuất khẩu, để giải phóng bớt hàng tồn kho, giảm chi phí phát sinh và hạn chế lỗ kế cận. Tuy nhiên, nhu cầu lương thực và giá gạo xuất khẩu đã tăng mạnh vào những tháng cuối năm đã góp phần mang lại hiệu quả cho Công ty.

### ➤ **Kinh doanh mì màu - Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc – Phân bón :**

- Năm 2009 là năm thứ 3 Công ty kinh doanh các mặt hàng hàng này, tuy sản lượng chưa đạt theo kế hoạch đề ra nhưng trong năm Công ty kinh doanh có hiệu quả. Số lượng năm 2009 đạt được như sau: 2.637 tấn mì màu , 2.358 tấn bã đậu nành, 2.831 tấn cám sậy và 3.340 tấn phân bón . Doanh thu các mặt hàng này đạt 65.126 triệu đồng chiếm tỷ lệ 3,8% trên tổng doanh thu toàn Công ty, lợi nhuận đạt 2.435 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 6% trên tổng lợi toàn Công ty.

### ➤ **Sản xuất và kinh doanh bao bì - hạt nhựa :**

- Năm 2009, hoạt động sản xuất bao bì đạt số lượng 7.206.361 chiếc bao PP các loại, so với năm 2008 đạt 101%, so với kế hoạch năm 2009 đạt 80%, so với năng lực thiết bị đạt 72%. Trong năm, số lượng bao PP đã tiêu thụ được là 6.289.227 chiếc, trong đó cung cấp bao đóng gạo xuất khẩu là 5.576.051 chiếc so với năm 2008 tăng 21% (do năm 2009 số lượng xuất khẩu nhiều hơn năm 2008); bao tiêu dùng nội địa đạt 634.973 chiếc, giảm 76% so với năm 2008.
- Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động sản xuất bao PP ổn định và giá thành có hiệu quả, Công ty đã chủ động chọn thời điểm giá nhựa thị trường thấp nhập khẩu và mua nội địa dự trữ 670 tấn hạt nhựa PP dùng làm nguyên liệu sản xuất bao PP nên giá thành



sản xuất bao PP luôn cạnh tranh. Lợi nhuận trong năm đạt 2,861 tỷ đồng, chiếm 6,8% trong tổng lợi nhuận của công ty.

➤ **Hoạt động sản xuất chế biến gạo:**



- Năm 2009 các Xí nghiệp CBLT có sự quyết tâm cao và nghiêm túc chấp hành ý kiến chỉ đạo của Ban điều hành trong công tác mua vào, bán ra, đã góp phần nâng số lượng mua vào xuất khẩu của Công ty cao hơn năm trước. Sản lượng tuy chưa đạt kế hoạch chỉ tiêu giao đầu năm nhưng các Xí nghiệp đều có lãi.

**c. Các thành tích đạt được**

	<p>Cúp vàng Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam</p>	
<p>2009</p>	<p>Chứng nhận Doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc tỉnh Vĩnh Long</p>	
	<p>Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý góp phần xây dựng và phát triển ngành khoa học công nghệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1979-2009</p>	

<p>2008</p>	<p>Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín</p>	 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p><b>DANH HIỆU</b> <b>DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU UY TÍN</b> ĐƯỢC TRAO CHO</p> <p><b>Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long</b></p> <p>Đã có thành tích trong hoạt động xuất khẩu năm 2008</p> <p>Thư Quyết định số 774/QĐ-BC ngày 10 tháng 4 năm 2009 của Bộ Công Thương</p> <p><b>K. B. TRƯỞNG</b> <b>TH. TRƯỞNG</b> Nguyễn Thành Biên</p> <p>03/03/2010</p>
	<p>Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác</p>	 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p><b>BỘ TRƯỞNG</b> <b>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> <b>TẶNG</b></p> <p><b>BẰNG KHEN</b></p> <p><b>Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long</b></p> <p>Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2007</p> <p>03/03/2010</p>
<p>2007</p>	<p>Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu vàng chất lượng”</p>	 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p><b>BAN TỔ CHỨC CHUỖ HỘI CHỢ NÔNG NGHIỆP</b> <b>BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM - THƯƠNG HIỆU VÀNG CHẤT LƯỢNG</b> <b>CHỨNG NHẬN</b> <b>CERTIFIES</b></p> <p><b>CTY CP LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM VĨNH LONG</b></p> <p><b>GIẢI THƯỞNG “BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM - THƯƠNG HIỆU VÀNG CHẤT LƯỢNG” NĂM 2007</b></p> <p>TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHỦ TỊCH</p> <p>HỘI NHỊ, ngày 25 tháng 04 năm 2007 TỔNG BIÊN TẬP BÁO NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</p> <p>Số: 044/KNKT-2007 QĐ số: 1115/QĐ-BNN-VF, ngày 23/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</p> <p>GS. TS. Bùi Chí Bền</p> <p>03/03/2010</p>
	<p>Bằng khen thành tích thực hiện tốt chính sách thuế</p>	 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p><b>BỘ TRƯỞNG</b> <b>BỘ TÀI CHÍNH</b> <b>TẶNG</b></p> <p><b>BẰNG KHEN</b></p> <p><b>CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM VĨNH LONG</b> <b>THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP &amp; PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b></p> <p>Đã có thành tích thực hiện tốt chính sách thuế năm 2007</p> <p>Quyết định số 771/QĐ-BTC Ngày 01 tháng 1 năm 2008</p> <p>03/03/2010</p>

<p>2006</p>	<p>Bảng khen thành tích chấp hành tốt chính sách thuế</p>	
<p>2006</p>	<p>Huân chương lao động Hạng Nhất vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p>	

#### 4. Định hướng phát triển

##### a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Bên cạnh duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện có trong và ngoài nước, Công ty đang tiến hành đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng mạng lưới khách hàng, thị trường và quy mô hoạt động. Công ty phấn đấu tăng sản lượng gạo năm 2011 là 250.000 tấn và đến năm 2015 là 420.000 tấn.

Ngoài ra, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, Công ty xác định chiến lược phát triển khách hàng nằm ở chất lượng gạo và chất lượng dịch vụ. Chính vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường nâng cao chất lượng hàng hóa cũng như xây dựng các quy trình quản lý ngày càng hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, trong năm 2010, Công ty cũng lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

##### b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty hiện đang đầu tư xây dựng thêm hệ thống các kho dự trữ và cung ứng sản phẩm,

nâng trữ lượng kho lên từ 100.000 đến 150.000 tấn. Công ty còn đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bao bì, tăng sản lượng sản xuất bao bì từ 8.000.000 chiếc/năm trong năm 2010 và phấn đấu đạt 16.000.000 chiếc/năm trong năm 2015.

Ngoài ra Công ty hiện đang nghiên cứu và tìm kiếm đối tác để tham gia các hoạt động đầu tư tài chính, liên kết với các đơn vị tiềm năng để hợp tác đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, nhà máy bột mì và nhà máy đông lạnh.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

#### a. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2009, nền kinh tế Việt Nam vừa bước ra khỏi đáy của cơn khủng hoảng toàn cầu, và đang dần hồi phục. Công ty cũng nằm trong bối cảnh chung của đất nước. Trong năm 2009, với sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc đã luôn tinh táo trong chỉ đạo và quản lý, cùng nỗ lực với tập thể CBCNV hoàn thành một năm sản xuất kinh doanh với những điểm nổi bật sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009 (triệu đồng)	Năm 2008 (triệu đồng)	Tăng giảm so với năm 2008
1	Doanh thu thuần	1.698.987	1.546.081	9,89%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.869	103.728	(61,56)%
3	Lợi nhuận trước thuế	42.024	101.749	(58,70)%
4	Lợi nhuận sau thuế	31.683	101.749	(68,86)%

Nguồn: Vĩnh Long Food

- Nguồn vốn điều lệ để hoạt động Công ty tăng từ 52.000.000.000 lên 104.000.000.000;
- Tổng doanh thu ở mức 1.700 tỷ đồng, tăng 9,83% so với năm 2008, mức doanh thu thuần đạt 1.699 tỷ, tương ứng tăng 9,89% so với cùng kỳ năm trước.
- Các khoản vay ngắn hạn của Công ty năm nay là 205,7 tỷ đồng, tăng 164% so với năm 2008; các khoản vay ngắn hạn này chủ yếu được thực hiện vào cuối năm 2009, phục vụ cho việc mua sản phẩm đầu của các hợp đồng ký kết giao hàng đầu năm 2010. Do mua hàng phục vụ cho đầu năm 2010, lượng hàng tồn kho cuối năm 2009 tăng cao, đạt 442% so với năm 2008, cụ thể là 224,5 tỷ đồng;
- Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính năm 2009 là 68,5 tỷ đồng, tăng 178% so với năm 2008; trong khi đó, chi phí tài chính và chi phí lãi vay là 29,4 tỷ, giảm 51% so với năm 2008. Có thể thấy rằng không những doanh thu hoạt động tài chính năm nay tăng cao rất nhiều so với năm trước, mà hiệu quả hoạt động cũng được cải thiện rất tốt;
- Ngoài hoạt động về tài chính, Công ty còn đầu tư vào các công ty liên kết. Năm 2009, HĐQT đã quyết định đầu tư 15 tỷ đồng vào Công ty TNHH Domyfeed. Đây là một khoản đầu tư hứa hẹn mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty trong các năm tiếp theo;
- Lợi nhuận kế toán trước và sau thuế năm 2009 lần lượt đạt 42 và 31 tỷ đồng, so với năm

2008 là giảm tương ứng 59% và 69%. Sự giảm sút này có thể nói là do các yếu tố khách quan của nền kinh tế nói chung. (1) Thứ nhất là do năm 2008, thị trường gạo biến động mạnh mẽ, liên tục đẩy giá gạo lên cao, trong khi đó lượng cung lại khan hiếm. (2) Thứ hai, sau 03 năm hoạt động dưới hình thức là một Công ty cổ phần, Công ty Vĩnh Long Food đã bắt đầu thực hiện việc nộp thuế cho Nhà Nước với mức 10 tỷ đồng vào năm 2009. Chính vì vậy mức lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với năm 2008.

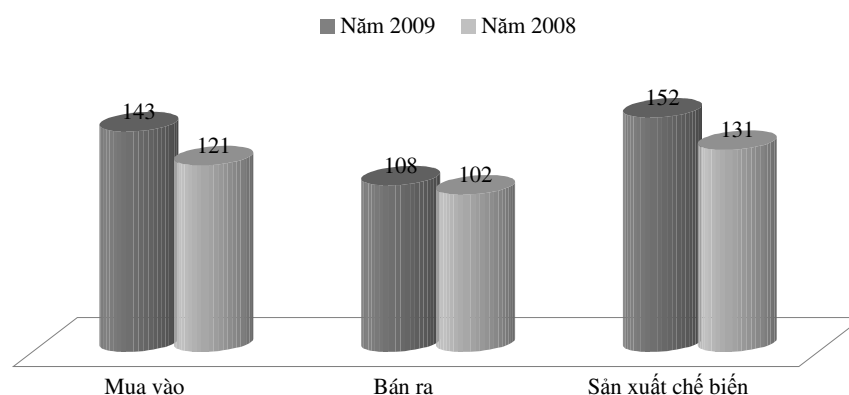
**b. Về hoạt động kinh doanh chế biến gạo, kết quả hoạt động sản xuất chế biến và kinh doanh của các Xí nghiệp chế biến lương thực đạt được như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009 (triệu đồng)	Năm 2008 (triệu đồng)	Tăng giảm so với năm 2008
1	Mua vào (tấn)	142.810	121.392	17,64%
2	Bán ra (tấn)	108.155	102.274	5,75%
3	Sản xuất chế biến (tấn)	152.070	130.878	16,19%
4	Doanh thu (triệu đồng)	828.463	759.791	9,04%
5	Lợi nhuận (triệu đồng)	7.343	7.828	(6,20)%

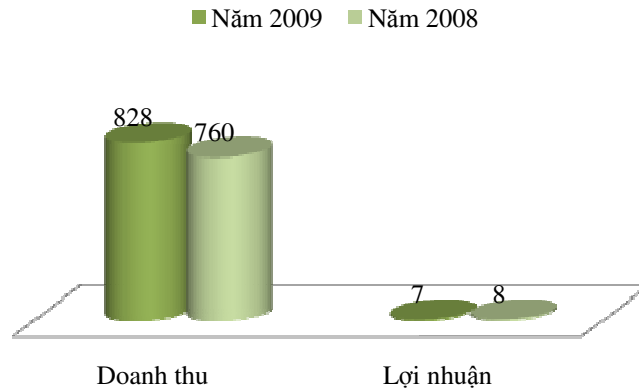
Nguồn: VLF

- Nhìn chung hoạt động sản xuất và kinh doanh mặt hàng gạo năm 2009 đều tăng so với năm 2008, cụ thể là chi phí mua vào tăng 17,64%, doanh thu bán ra tăng 5,75%; sản xuất cơ bản tăng 16,19%;
- Tổng doanh thu mặt hàng gạo tăng 9,04% so với năm 2008, tuy nhiên do năm 2009 là năm Công ty bắt đầu đóng thuế thu nhập doanh nghiệp với mức 25% lợi nhuận trước thuế, nên tổng lợi nhuận kinh doanh sau thuế của mặt hàng gạo giảm 6,2% so với năm 2008.

**Kết quả hoạt động sản xuất chế biến trong năm 2008 - 2009 (đơn vị: ngàn tấn)**



**Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2008 - 2009 (đơn vị: tỷ đồng)**



**2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2009 (tỷ đồng)	Tăng giảm so với kế hoạch 2009
1	Tổng doanh thu	1.700.166	2.043.000	(17)%
2	Lợi nhuận trước thuế	42.024	36.000	17%
3	Nộp ngân sách	10.341	9.000	-
4	Lợi nhuận sau thuế	31.683	27.000	17%

Nguồn: VLF

Năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã phát huy được khả năng lãnh đạo, sớm đạt được kế hoạch về lợi nhuận đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008. Cụ thể là lợi nhuận sau thuế đạt 31,6 tỷ đồng, hoàn thành tăng 17% so với kế hoạch.

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)**

**a. Công tác XDCB-Mua sắm máy móc thiết bị**

Trong năm 2009, tổng trị giá đầu tư thực hiện là 8,484 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản 4,275 tỷ đồng, mua sắm máy móc thiết bị là 4,208 tỷ đồng.

Công ty chủ yếu sửa chữa nâng cấp kho tàng và đầu tư mua sắm thêm một số thiết bị, cụ thể như sắp xếp dây chuyền máy, lắp đặt cân điện tử, bồn chứa thành phẩm, máy xát trắng, máy in bao PP,... để cải thiện điều kiện làm việc, sản xuất nâng sức chứa, tăng độ thông thoáng của kho nhằm tạo thuận lợi cho việc bảo quản tốt, giảm tổn thất, tiện sắp xếp kho hàng và bốc dỡ hàng hoá.



## **b. Công tác phát triển thị trường**

Trong năm 2009, Công ty thực hiện đăng ký các thương hiệu gạo độc quyền như Trạng Nguyên, Phù Đieu, Ban Mai, Hương Thảo. Tuy chỉ mới bước đầu chào bán thông qua kênh siêu thị được một thời gian ngắn, nhưng các thương hiệu gạo của Công ty đã nhận được sự phản hồi rất tốt từ thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm chú trọng phát triển thị trường tiêu thụ đối với mặt hàng gạo cao cấp như gạo thơm và gạo đặc sản như: Nàng Thơm Chợ Đào, Tài Nguyên, Thơm Lài, Jasmin...

Cũng trong năm 2009, Công ty đã khai trương cửa hàng tiện lợi đầu tiên tại ngã ba Cần Thơ, Thành phố Vĩnh Long, tạo điều kiện tiếp xúc với nguồn tiêu thụ trong nước, và mở rộng thị trường nội địa.

Ngoài ra, Công ty đã đầu tư góp vốn liên doanh liên kết và Công ty TNHH Domyfeed với tổng mức đầu tư là 15 tỷ đồng, chiếm 25% tổng vốn điều lệ. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất thức ăn thủy sản phục vụ cho vùng nuôi của Công ty con của Docimexco, nhằm khép kín quy trình kinh doanh cho Công ty cổ phần Docimexco từ nuôi trồng – sản xuất thức ăn – chế biến xuất khẩu. Dự kiến cung cấp cho công ty con khoảng 60%, và bán ra thị trường khoảng 40% tổng sản lượng hàng năm.

## **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Thị trường xuất khẩu lúa gạo năm 2010 của Việt Nam được dự báo khá tốt. Nhu cầu nhập khẩu gạo tăng lên đáng kể so với năm 2009. Ngay từ tháng 12/2009, Philippines đã liên tục mở thầu nhập khẩu gạo với khối lượng lớn, trong đó các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam đã tham gia và trúng thầu (3 đợt) với khối lượng trên 1 triệu tấn.

Từ cuối tháng 12/2009 đến nay, giá gạo trên thị trường thế giới đã tăng trên 20% so với thời điểm tháng 11/2009. Giá gạo xuất khẩu của các hợp đồng đã ký với Philippines đạt mức trên 650 USD/tấn, diễn biến thị trường cho thấy giá gạo tiếp tục có xu hướng tăng và duy trì ở mức cao.

Trong năm 2010, tiếp tục xác định gạo là mặt hàng kinh doanh chủ lực, Công ty tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để đạt:

- Tổng sản lượng	250.000 tấn.
<i>Trong đó: + Xuất khẩu</i>	<i>200.000 tấn.</i>
+ Nội địa	50.000 tấn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng phát triển kinh doanh các mặt hàng khác như mì màu, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, phân bón, hạt nhựa, bao PP, ... với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra như sau:

- Mì màu	5.000 tấn
- Bã đậu nành	4.000 tấn
- Phân bón	1.000 tấn
- Hạt nhựa	200 tấn
- Bao PP	8.000.000 chiếc

Ngoài ra, Công ty còn có kế hoạch di dời và xây mới Xí nghiệp Chế biến lương thực 5 tại Ấp Mỹ phú 5, xã Tường Lộc, Huyện Tam Bình với tổng diện tích đất khoảng 8.720 m<sup>2</sup> và tiếp tục đầu tư chiều sâu theo hướng tự động hóa trong sản xuất của Xí nghiệp nhằm tăng khả năng tự sản xuất chế biến và dự trữ hàng hóa, tăng vòng quay hàng tồn kho, tăng hiệu quả hoạt động các Xí nghiệp.

### III. Báo cáo của Ban Giám đốc

Trong năm 2009, là năm thứ ba sau khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã đạt được các chỉ số sau:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2009	2008	2007*
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,17	1,51	0,86
- Hệ số thanh toán nhanh	0,36	1,09	0,82
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,64	0,40	0,76
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,74	0,68	3,18
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	12,17	52,22	191,94
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	3,89	5,94	6,71
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,86%	6,58%	0,29%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,89%	65,56%	8,17%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,25%	39,10%	1,78%
- Hệ số Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,35%	6,71%	0,18%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008, 2009

\*Các chỉ tiêu năm 2007 (là năm đầu tiên sau khi cổ phần hóa) liên quan tới Bảng cân đối kế toán được tính dựa trên số dư cuối kỳ trong Bảng cân đối kết toán, BCTC kiểm toán năm 2007.

So với năm 2008, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2009 đều thấp hơn. Cụ thể là chỉ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần chỉ đạt 1,86% trong khi năm 2008 là 6,58%.

Điều này có thể giải thích là do năm 2008 là năm biến động mạnh mẽ của ngành gạo Việt Nam nói riêng và toàn thế giới nói chung. Giá gạo và nhu cầu tăng cao, tạo nên những cơn sốt về giá. Do dự báo trước được tình hình, Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc đã chỉ đạo Công ty mua gom gạo dự trữ với giá rẻ, sau đó chọn thời điểm giá gạo cao để bán ra.

Như vậy, các chỉ số trong năm 2008 về khả năng sinh lời đã tính đến sự đột biến của nền kinh tế, nên khi so với năm 2009, số liệu 2009 có phần thấp hơn. Tuy nhiên, nếu so sánh các chỉ số năm 2009 với năm 2007 thì có thể thấy được thực tại Công ty vẫn đang trên đà phát triển rất tốt. Cụ thể là:

- Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 0,29% lên 1,86%; hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng từ 8,17% lên 19,89% trong năm 2007 và 2009.
- Chỉ số doanh thu thuần trên tổng tài sản giảm từ 6,71 năm 2007 còn 3,89 năm 2009. Chỉ số này giảm chủ yếu là do tốc độ tăng của tài sản cao hơn của doanh thu thuần. Trong năm 2009, tổng trị giá đầu tư thực hiện là 8,484 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản 4,275 tỷ đồng, mua sắm máy móc thiết bị là 4,208 tỷ đồng. Công ty thực hiện đầu tư nâng cấp và sửa chữa kho tàng, mua thêm một số máy móc thiết bị phục vụ tốt hơn cho việc sản xuất. Nên trong tương lai, kỳ vọng năng suất sản xuất của doanh nghiệp sẽ tăng nhờ các khoản đầu tư này.
- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2009 là 12,17, so với năm 2008 là 52,22 và 2007 là 191,94. Hệ số này giảm mạnh năm nay vì lượng hàng tồn kho cuối năm 2009 lên đến 225 tỷ đồng, do hiện tại Công ty đã ký kết hợp đồng xuất khẩu lớn vào quý I/2010 và dự tính giá gạo tăng nên đã mua sẵn lượng gạo phục vụ cho hợp đồng này.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 là 15.280 đồng/cổ phiếu.

#### **Những thay đổi về cổ đông vốn góp:**

Trong năm 2009, Công ty có phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu, với tỷ lệ 1:1, nâng tổng số cổ phiếu lên 10.400.000 cổ phiếu.

Cũng trong năm 2009, Công ty Hàng hải Phú Mỹ (một trong các cổ đông sáng lập của Công ty) đã tăng tỷ lệ vốn góp từ 2.000.000.000 đồng lên 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng), chiếm tỷ lệ sở hữu tương ứng là 2,21% .

#### **Thông tin về cổ phiếu, trái phiếu và cổ tức của Công ty:**

Số cổ phiếu của Công ty hiện nay là 10.400.000 cổ phiếu, bao gồm toàn bộ là cổ phiếu thường, không có cổ phiếu ưu đãi. Trong đó không có cổ phiếu quỹ, toàn bộ 10.400.000 cổ phiếu của Công ty đều đang lưu hành trên thị trường.

Sau ba năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã từng bước duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức cho cổ đông cụ thể như sau: năm 2007 cổ tức là 4,5%/năm, năm 2008 là 145% và dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2009 là 20%.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

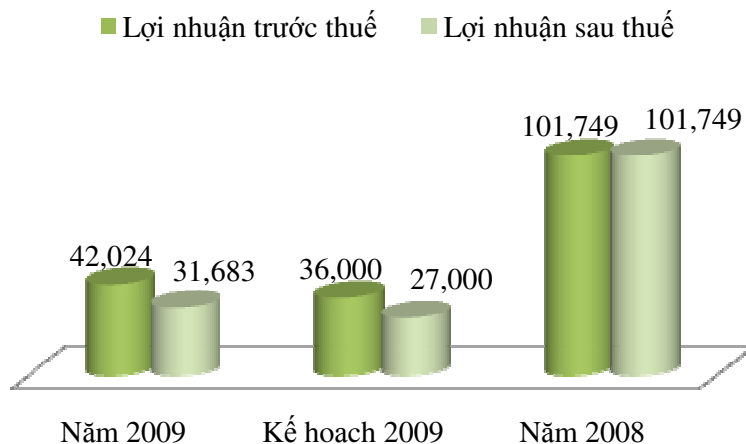
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009 (triệu đồng)	Năm 2008 (triệu đồng)	So với năm 2008 (%)	Kế hoạch năm 2009 (triệu đồng)	So với kế hoạch năm 2009 (%)
Tổng doanh thu	1.700.166	1.548.019	110%	2.043.000	83%
Lợi nhuận trước thuế	42.024	101.749	41%	36.000	117%
Nộp ngân sách	10.341	-	-	9.000	-
Lợi nhuận sau thuế	31.683	101.749	31%	27.000	117%

Nguồn: VLF

- Trong năm 2009, doanh thu thuần Công ty đạt 1.700.166 triệu đồng, tăng 10% so với năm 2008, đạt 83% so với kế hoạch năm. Doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 83% so với kế hoạch năm vì tại thời điểm cuối năm 2009, khi dự báo kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty năm tiếp theo, theo đánh giá của Ban quản trị Công ty thì giá của mặt hàng gạo trên thị trường vẫn sẽ tăng cao trong một thời gian. Tuy nhiên, thực tại năm 2009 lại không được như mong đợi, giá mặt hàng gạo giảm nhẹ so với dự kiến nên tổng doanh thu giảm so với kế hoạch đã đề ra.
- Năm 2009, lợi nhuận trước thuế đạt 42.024 triệu đồng, tăng 17% so với kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2008.

### Tăng trưởng lợi nhuận năm 2008-2009 (đơn vị: triệu đồng)



### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

#### **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty nhận thức rằng: việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng ổn định phù hợp với tiêu chuẩn, các chuẩn mực cụ thể và được công nhận bởi cơ quan chuyên môn là yêu cầu thiết yếu giúp Công ty kiểm soát sản xuất, cải tiến năng suất cũng như tạo dựng niềm tin với khách hàng, người tiêu dùng và cộng đồng. Điều này cũng là giấy thông hành giúp Công ty vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường.

Để thực hiện mục tiêu, ngay từ năm 2001, Công ty đã xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và được tổ chức UKAS (Vương quốc Anh) đánh giá chứng nhận. Từ đó đến nay, Công ty vẫn duy trì và mở rộng phạm vi áp dụng cho văn phòng công ty và 6 xí nghiệp chế biến trực thuộc. Năm 2009, Công ty chuyển đổi phiên bản từ ISO 9001:2000 sang phiên bản ISO 9001:2008. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 giúp kiểm soát sản xuất chặt chẽ, các quá trình thực hiện mang tính khoa học, hợp lý và cung cấp cho thị trường sản phẩm có chất lượng ổn định đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Mục tiêu 2010 của Công ty là áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho các xí nghiệp còn lại và thực hành quản lý 5S cho Xí nghiệp bao bì.

#### **Các biện pháp kiểm soát**

Tất cả các hoạt động kinh doanh, sản xuất sản phẩm và dịch vụ của Công ty đều tuân thủ các nguyên tắc của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, bao gồm 8 nguyên tắc sau:

- Tổ chức chú trọng vào khách hàng,
- Vai trò lãnh đạo,
- Mọi người đều tham gia,
- Tiếp cận theo quá trình,
- Quản lý theo hệ thống,
- Cải tiến liên tục,
- Quyết định theo sự kiện,
- Quan hệ cùng có lợi với nhà cung cấp.

#### **Và trên cơ sở 6 thủ tục cơ bản**

- Thủ tục kiểm soát hồ sơ

- Thủ tục kiểm soát tài liệu
- Thủ tục đánh giá nội bộ
- Thủ tục xem xét của lãnh đạo
- Thủ tục hành động khắc phục
- Thủ tục hành động phòng ngừa

Ngoài ra, công ty còn áp dụng trên 20 thủ tục và hướng dẫn khác, cụ thể:

- Thủ tục mua hàng
- Thủ tục bán hàng và xem xét hợp đồng
- Thủ tục đánh giá nhà cung ứng
- Thủ tục kiểm soát kế hoạch sản xuất và qui trình sản xuất
- Thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp
- Thủ tục đo lường theo dõi sản phẩm
- Thủ tục tuyển dụng, đào tạo.
- Thủ tục bảo trì thiết bị, nhà xưởng
- Hướng dẫn kiểm tra chất lượng bao bì
- Hướng dẫn thu thập ý kiến khách hàng
- Hướng dẫn thông tin nội bộ
- Hướng dẫn sử dụng các loại máy trong dây chuyền lau bóng gạo
- Lưu kho, bảo quản, đóng gói
- Hướng dẫn kiểm tra thiết bị đo
- Hướng dẫn xịt mọt

....

Trên cơ sở phát huy những cải tiến như cam kết, các năm qua, Công ty đã đổi mới trang thiết bị, đầu tư mua sắm và cải tiến hệ thống chế biến gạo tại các Xí nghiệp trực thuộc có khả năng chế biến các loại gạo có phẩm chất cao như gạo thơm, jasmine, gạo 5% tấm... Quy trình chế biến, kế hoạch kiểm soát sản xuất và kiểm soát chất lượng gạo được văn bản hóa thành các tài liệu hướng dẫn nhằm đảm bảo sự nhất quán trong quá trình sử dụng cũng như giúp kiểm soát các quy trình hợp lý và khoa học hơn. Các công đoạn trong quy trình sản xuất được kiểm soát

chặt chẽ, nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sản phẩm không phù hợp nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng tốt nhất với giá cả cạnh tranh nhất.

Công ty đã thành lập riêng một bộ phận quản lý chất lượng. Đồng thời, Công ty cũng kết hợp với các Ban, Ngành quy hoạch vùng nguyên liệu chất lượng và áp dụng các mô hình sản xuất đảm bảo chất lượng nguyên liệu, thâm canh tổng hợp.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hiện tại Công ty đang thực hiện tăng cường kinh doanh mặt hàng gạo nội địa chất lượng cao cho nhu cầu tiêu dùng của người dân trong Tỉnh Vĩnh Long và khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, kế hoạch đến năm 2015, Công ty sẽ đạt số lượng 80.000 tấn/năm.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng nông sản và hiện đang tìm kiếm thêm thị trường tiêu thụ cho mặt hàng mì màu... Trong năm 2010 công ty đặt mục tiêu sản lượng bán ra mặt hàng gạo phải đạt là 250.000 tấn.

Một số chỉ tiêu Công ty trong giai đoạn 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010
<b>1.Số lượng</b>	Tấn	
- Mua vào qui gạo	“	<b>335.000</b>
<b>-Bán ra (xuất khẩu và nội địa)</b>	“	<b>250.000</b>
- Ký hợp đồng xuất khẩu	“	200.000
- Ký hợp đồng cung ứng xuất khẩu + gạo nội địa	“	50.000
<b>2.Doanh thu</b>	Triệu đồng	<b>2.370.200</b>
- Lương thực	“	2.278.389
- Mì màu	“	17.600
- Phân bón	“	8.662
- Bã đậu nành	“	33.110
- Hạt nhựa, bao bì, khác	“	32.518
<b>3.Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	<b>60.000</b>
- Lương thực	“	53.210
- Mì màu	“	390
- Phân bón	“	478
- Bã đậu nành	“	2.138
- Hạt nhựa, bao bì	“	3.784

Nguồn: Vĩnh Long Food



#### **IV. Báo cáo Ban kiểm soát**

##### **1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2009**

**Trong năm 2009, Ban Kiểm Soát đã tổ chức họp định kỳ trực tiếp 02 lần và các lần họp không trực tiếp, thực hiện các nhiệm vụ sau:**

- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng quy định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động;
- Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban điều hành;
- Ban kiểm soát đã tham gia việc kiểm kê hàng hoá cuối năm, thẩm tra báo cáo tài chính 9 tháng, cả năm 2009 của Công ty cùng với đoàn làm việc của Công ty kiểm toán.

**Qua đó, Ban Kiểm Soát đã có những nhận định sau:**

- Trong năm 2009, HĐQT Công ty đã tổ chức họp định kỳ, và đột xuất 13 lần để xem xét đánh giá kết quả hoạt động SXKD cũng như có những chỉ đạo, ban hành các nghị quyết kịp thời nhằm định hướng cho Ban tổng giám đốc trong công tác điều hành hoạt động của Công ty theo đúng điều lệ;
- Đánh giá số liệu trong các báo cáo của Ban tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty là được phản ánh trung thực và hợp lý trên các nội dung trọng yếu;
- Các báo cáo kế toán, sổ sách chứng từ hạch toán đều được ghi chép và lưu trữ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước cũng như các quy định của Công ty.
- Hoàn toàn thống nhất với đơn vị kiểm toán độc lập về các nội dung trong Báo cáo tài chính được kiểm toán.

##### **2. Các kiến nghị của Ban Kiểm Soát**

###### **a. Về công tác đầu tư:**

Cần nhắc và thận trọng trong công tác đầu tư mở các nhà máy mới. Phải đảm bảo công tác thẩm định luận chứng trước khi quyết định đầu tư.

**Đầu tư tài chính:** cần nhanh chóng cắt lỗ cho các khoản đầu tư tài chính từ những năm trước để thu hồi vốn tập trung cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Không nên tiếp tục đầu tư cổ phiếu, bởi đây không phải là lĩnh vực chuyên môn của Công ty, và có thể dẫn đến thua lỗ khi thị trường chứng khoán có biến động xấu.

**b. Công tác sản xuất kinh doanh**

Công ty cần tích cực hơn nữa trong việc tìm đầu ra cho hoạt động sản xuất bao bì để nâng công suất nhà máy, giảm giá thành sản phẩm, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

**c. Về công tác tài chính kế toán**

Công ty cần nhanh chóng đầu tư phần mềm kế toán trực tuyến cho các đơn vị để phục vụ việc tổng hợp số liệu cho toàn Công ty, cung cấp nhanh các báo cáo quản trị cho ban điều hành, phục vụ kịp thời công tác công bố thông tin của Công ty.

**d. Về công tác quản lý nhân sự**

Cần xây dựng chiến lược và chế độ chính sách để giữ và thu hút nhân sự có năng lực làm việc lâu dài cho Công ty.

## V. Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## VI. Các công ty có liên quan

### 1. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Công ty nắm giữ trên 50% vốn góp: không có

Công ty có trên 50% vốn góp: không có

Hiện tại, Công ty góp vốn liên kết vào hai công ty là Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long và Công ty TNHH DOMYFEED, với tỷ lệ góp vốn như sau:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số vốn liên doanh liên kết hoặc mua cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long	Phường 1, TP Vĩnh Long	Siêu thị Co.opMart	5.250.000.000	26,25
Công ty TNHH DOMYFEED	Khu CN Sa Đéc, Đồng Tháp	Chế biến thủy sản	15.000.000.000	25,00
<b>TỔNG</b>			<b>20.250.000.000</b>	

Các dự án đầu tư của Công ty đều hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển và khả năng sinh lời cao trong tương lai. Cụ thể, siêu thị Co.opMart là siêu thị lớn nhất Vĩnh Long, hiện tại doanh thu mỗi ngày lên đến 500 triệu; Công ty TNHH Domyfeed là công ty chế biến thủy sản mới đưa vào hoạt động với công suất thiết kế là 60.000 tấn/năm, dự kiến sản phẩm của Domyfeed cung cấp cho công ty con của Docimexco chuyên về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản là Docifarm là khoảng 60%, và bán ra thị trường khoảng 40%.

## 2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

### a. Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long

*Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long năm 2008*

Số liệu	Đơn vị	Năm 2008
Vốn điều lệ	Triệu đồng	20,000
Doanh thu	Triệu đồng	200,000
Lợi nhuận	Triệu đồng	4,200

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 1/2007, với tổng diện tích là 11.000m<sup>2</sup>. Đây là công ty liên doanh có vốn điều lệ 20 tỷ đồng với cơ cấu vốn là Vĩnh Long Food 25% và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop 75%. Siêu thị Co.op Mart ra đời nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh doanh...

### b. Công ty TNHH một thành viên Domyfeed

Được thành lập vào ngày 31/10/2007 với sự liên doanh giữa 02 Công ty là Công ty cổ phần Hoàn Mỹ và Công ty cổ phần Docimexco (Docimexco), với số vốn điều lệ ban đầu là 45 tỷ đồng.

Tháng 06/2009 Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng và bổ sung thành viên là Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long, với cơ cấu vốn điều lệ Docimexco chiếm 51%, Công ty cổ phần Hoàn Mỹ 24% và Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long chiếm 25%.

Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất thức ăn thủy sản phục vụ cho vùng nuôi của Công ty con của Docimexco, nhằm khép kín quy trình kinh doanh cho Công ty cổ phần Docimexco từ nuôi trồng – sản xuất thức ăn – chế biến xuất khẩu.

Nhà máy của Domyfeed chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2009, với công suất thiết kế là 60.000 tấn/năm (thực tế công suất này có thể tăng đạt 90.000 tấn/năm). Sản lượng sản phẩm xuất xưởng đầu tiên khoảng 3.000 tấn vào tháng 10/2009. Dự kiến sản phẩm của Domyfeed cung cấp cho công ty con của Docimexco chuyên về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản là Docifarm là khoảng 60%, và bán ra thị trường khoảng 40%.

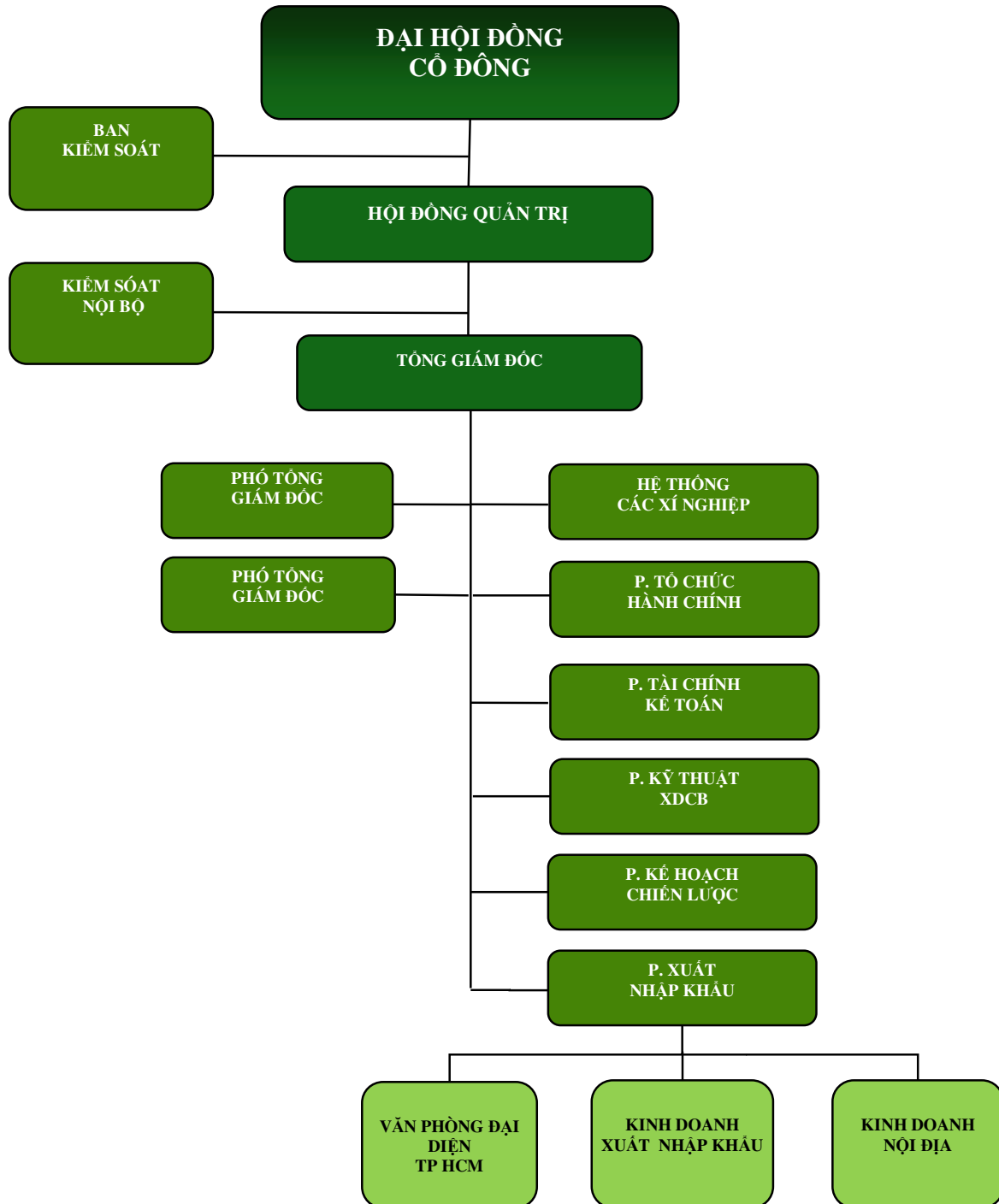
Lợi thế của Domyfeed là có nguồn nguyên liệu sẵn có. Nguồn nguyên liệu cám gạo chiếm tỷ lệ lớn trong thành phần thức ăn cá được cung cấp bởi các nhà máy chế biến gạo thuộc hệ thống của các công ty thành viên (Docimexco, Hoàn Mỹ, Vinhlong Food) nên chất lượng cám đảm bảo, nguồn cung ổn định về giá, số lượng lẫn chất lượng là yếu tố thuận lợi.

Đồng thời, đầu ra của sản phẩm thức ăn cá sẽ ổn định vì được cung cấp cho các ao nuôi thuộc hệ thống của Công ty cổ phần Docimexco nên thuận lợi hơn so với các đối thủ cạnh tranh (giảm chi phí bán hàng để đưa sản phẩm ra thị trường).

## VII. Tổ chức và nhân sự

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Công ty có cơ cấu bộ máy quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần bao gồm:





#### 4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2009 là 575 người.

##### a. Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	81	14,09%
Cao đẳng	5	0,87%
Trung cấp	39	6,78%
Công nhân kỹ thuật	13	2,26%
Lao động phổ thông	437	76,00%
<b>Tổng</b>	<b>575</b>	<b>100,00%</b>

Phân loại theo thời hạn hợp đồng	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Lao động không xác định thời hạn	113	19,65%
Từ 1-3 năm	105	18,26%
1 năm	8	1,39%
Thời vụ	349	60,70%
<b>Tổng cộng</b>	<b>575</b>	<b>100,00%</b>

##### b. Chính sách đối với người lao động

###### *Chế độ làm việc:*

Công ty thực hiện thời gian làm việc 8h/ngày.

Đối với nhân viên văn phòng: làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ (tổng cộng là 48 giờ/tuần).

Đối với nhân viên tại các xí nghiệp, cửa hàng trực thuộc: tổng thời gian làm việc vẫn là 48 giờ/tuần, tuy nhiên nếu làm việc thêm giờ để giải quyết những việc cấp bách thì được giải quyết nghỉ bù.

###### *Nghỉ phép, lễ, tết:*

Nhân viên được nghỉ lễ tết và nghỉ phép theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương.



### **Điều kiện làm việc:**

Văn phòng, nhà xưởng sạch sẽ thoáng mát, điều kiện môi trường lao động đảm bảo sức khỏe của CBCNV. Công ty đầu tư các trang thiết bị để làm việc và các thiết bị an toàn lao động để CBCNV có điều kiện phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

### **Chế độ lương:**

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên căn cứ vào hiệu quả công việc và theo Quy chế quản lý và phân phối tiền lương của Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện việc trả lương theo 2 hình thức đó là: trả lương theo kết quả công việc hoặc lương khoán. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm theo chế độ quy định hiện hành.

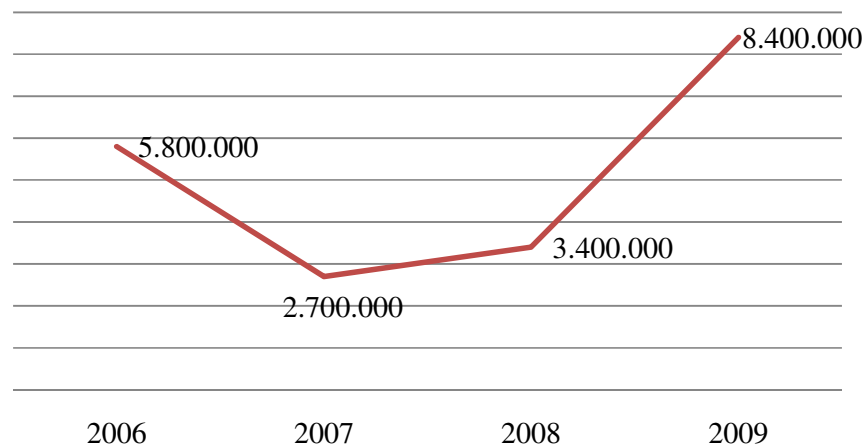
Mức thu nhập bình quân trong năm 2009 của Công ty là 8.400.000 đồng/tháng.

### **Mức thu nhập bình quân người lao động qua các năm**

<i>Đơn vị: Đồng</i>				
Năm	2006	2007	2008	2009
Thu nhập bình quân/ người/tháng	5.800.000	2.700.000	3.400.000	8.400.000

*Nguồn: Vinh Long Food*

### **Mức thu nhập bình quân người lao động qua các năm (đơn vị: đồng)**



### **Chế độ thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào hoạt động kinh doanh toàn Công ty, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ như: thưởng các dịp lễ lớn, thưởng 6 tháng, thưởng cả năm.. hoặc thưởng đột xuất cho CBCNV nhằm khuyến khích người lao động năng động phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến

trong công việc, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh. Ngoài ra, chế độ lương thưởng luôn được cập nhật để thu hút nhân tài về cho công ty. Công ty thực hiện hai hình thức khen thưởng là tăng lương hoặc tăng chức vụ. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ khác nhằm khuyến khích CBCNV.

### ***Bảo hiểm và phúc lợi:***

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo qui định cho tất cả CBCNV. Hằng năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ. Công ty rất chú ý nâng cao đời sống tinh thần của người lao động.

### ***Tổ chức công đoàn:***

Hiện nay Công đoàn Công ty là Tổ chức Công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn Tổng Công ty Lương thực thực phẩm Miền Nam gồm 150 đoàn viên chia ra sinh hoạt tại 13 Công đoàn bộ phận trực thuộc (Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp).

Kinh phí hoạt động công đoàn trích theo chế độ quy định. Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, trợ cấp khó khăn hoặc thăm viếng khi CBCNV bị ốm đau hoạn nạn.

### ***Các chế độ phụ cấp:***

Công ty có các chế độ phụ cấp cho nhân viên như: phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, độc hại.. đúng qui định. Công ty cũng đã tổ chức nhà ăn tập thể để bảo đảm sức khỏe cho nhân viên làm việc.

### ***Chính sách tạo nguồn nhân lực:***

Công ty luôn chú ý xây dựng nguồn nhân lực phù hợp với quy mô và định hướng sự phát triển của công ty, cụ thể như sau:

- Tuyển dụng: tuyển dụng nhân viên, cán bộ quản lý và lao động kịp thời theo đúng quy chế quản lý, sử dụng và tuyển dụng lao động của Công ty. Những lao động giỏi có chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế luôn được Công ty quan tâm bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt.
- Đào tạo nguồn nhân lực: huấn luyện chuyên môn tay nghề, cử đi học các lớp đào tạo nghiệp vụ. Hiện Công ty tập trung đào tạo các chuyên ngành như : Marketing, xây dựng thương hiệu, tin học, anh văn, kiểm toán nội bộ, quản trị tài chính... Cụ thể trong

năm 2009, Công ty đã cử 52 người cấp quản lý và nhân viên tham gia các lớp như: thuế thu nhập cá nhân, kỹ thuật quản trị mạng, nghiệp vụ tiền lương, chứng khoán, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, giám đốc điều hành, nghiệp vụ bán hàng...

#### **5. Những thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.**

Trong năm 2009, Công ty có một số thay đổi về thành viên Ban Giám Đốc, cụ thể:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/02/2009
2	Nguyễn Thanh Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/02/2009
3	Trần Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/04/2009
4	Lưu Xuân Bá	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2009

### **VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

#### **1. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng**

##### **a. Hội Đồng Quản Trị** gồm 5 thành viên: 1 chủ tịch và 4 thành viên

Bà PHAN THỊ ÁNH Chủ tịch HĐQT

Năm sinh 1956

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế ngành Quản trị Kinh doanh

Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu

Ông ĐẶNG KỶ TRUNG Thành viên HĐQT

Năm sinh 1958

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Kinh tế

Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu

Ông ANTHONY NGUYỄN Thành viên HĐQT

Năm sinh 1968

Trình độ chuyên môn Kỹ sư hóa Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Nam California, Hoa Kỳ

Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu

Ông NGUYỄN HOÀNG TRIỆU Thành viên HĐQT

Năm sinh 1977

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế thương mại

Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu

Ông NGUYỄN THANH HOÀNG Thành viên HĐQT

Năm sinh 1966

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế, ngành quản trị kinh doanh

Sở hữu cá nhân 43.800 cổ phiếu

➤ **Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành**, bao gồm 4 thành viên

Bà Phan Thị Ánh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Đặng Kỳ Trung: thành viên Hội đồng quản trị

Ông Anthony Nguyễn: thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Triệu: thành viên Hội đồng quản trị

➤ **Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị**

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm quyết định mọi vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, nhân sự, chính sách đãi ngộ... Tùy vào tình hình kinh doanh và đánh giá thị trường hoạt động của Công ty, Hội Đồng Quản Trị vạch ra chiến lược hoạt động cho Công ty sao cho có hiệu quả nhất. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị sẽ ra các quyết định phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

**Các cuộc họp trong năm của HĐQT (không có cuộc họp riêng của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành):**

STT	Ngày họp	Nội dung
1	5/2/2009	- Bàn công tác tổ chức Đại Hội cổ đông năm 2009 - Thông qua việc ủy quyền Tổng Giám Đốc ký các hợp đồng vay - Báo cáo hoạt động của các công ty liên doanh

STT	Ngày họp	Nội dung
2	18/2/2009	- Bàn công tác tổ chức Đại Hội cổ đông - Bàn về kế hoạch phân phối lợi nhuận, tiền thưởng
3	7/3/2009	- Thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám Đốc ký các hợp đồng vay vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh
4	20/3/2009	- Thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám Đốc ký các hợp đồng vay vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh
5	8/4/2009	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2009 - Bàn về kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2009 - Cơ cấu lại tổ chức bộ máy lao động và tiền lương năm 2009 - Sửa đổi nội dung quy chế làm việc của HĐQT, quy chế lương thưởng, quy chế tài chính - Bàn về kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng
6	11/6/2009	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 5 tháng - Bàn về kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 6 - Báo cáo việc thực hiện tổ chức cơ cấu Công ty - Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng
7	10/8/2009	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2009 - Bàn kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2009
8	16/10/2009	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2009 - Bàn kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2009
9	1/12/2009	- Báo cáo sơ bộ kế hoạch năm 2010 - Bàn kế hoạch quyết toán cuối năm 2009
10	30/12/2009	- Thông qua chi tiết sản xuất kinh doanh 2010
11	12/1/2010	- Bàn về một số công tác chung của năm 2009
12	1/2/2010	- Bàn về một số công tác chung của năm 2009
13	1/3/2010	- Bàn về công tác tổ chức Đại hội cổ đông năm 2010 - Kế hoạch vụ đông – xuân 2010 - Đề bạt Phó Tổng Giám Đốc mới

**Phân bổ nhiệm vụ của Hội đồng quản trị :**

STT	Họ tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phan Thị Ánh	Chủ tịch	Chịu trách nhiệm chung về việc quyết định kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty
2	Đặng Kỳ Trung	Thành viên	Thực hiện công tác kiểm tra
3	Anthony Nguyễn	Thành viên	Phụ trách công tác đầu tư sản xuất
4	Nguyễn Hoàng Triệu	Thành viên	Phụ trách công tác đầu tư tài chính, liên doanh liên kết, mở rộng ngành nghề
5	Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên, kiêm Tổng Giám Đốc	- Người đại diện theo pháp luật của Công ty - Trực tiếp điều hành toàn bộ các hoạt động hàng ngày của Công ty

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT

Tên Cổ đông là thành viên HĐQT	Hình thức sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Thay đổi trong năm
1. Bà Phan Thị Ánh	Đại diện sở hữu	2.080.000	20,00%	Không có thay đổi
2. Ông Đặng Kỳ Trung	Đại diện sở hữu	2.080.000	20,00%	
3. Ông Anthony Nguyễn	Đại diện sở hữu	3.928.578	37,77%	
4. Ông Nguyễn Hoàng Triệu	-	0	-	
5. Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Sở hữu cá nhân	43.800	0,42%	
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.132.378</b>	<b>78,19%</b>	

**c. Ban Kiểm Soát**

Ông LƯU NGUYỄN ANH TUẤN	Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh	1972
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính tín dụng
Bà NGUYỄN THỊ THÚY LIÊM	Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, ngành Tài chính Tín dụng
Ông LÊ MINH THU VIỆT	Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính doanh nghiệp

➤ **Hoạt động của Ban Kiểm Soát**

Ban Kiểm Soát bảo đảm công tác quản lý hoạt động của Công ty theo đúng mục tiêu của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

➤ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên BKS**

Tên Cổ đông	Hình thức sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Thay đổi trong năm
1. Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	-	0	-	Không có thay đổi
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liêm	Sở hữu cá nhân	6.000	0,06%	
3. Ông Lê Minh Thu Việt	-	0	-	
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.000</b>	<b>0,06%</b>	

**d. Quyền lợi của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát trong năm 2009**

*Đơn vị: triệu đồng*

Họ tên	Chức vụ	Thù lao cho chức vụ kiêm nhiệm	Lợi ích và chi phí khác
Phan Thị Ánh	Chủ tịch HĐQT	-	969
Đặng Kỳ Trung	Thành viên HĐQT	23	-
Anthony Nguyễn	Thành viên HĐQT	30	-
Nguyễn Hoàng Triệu	Thành viên HĐQT	30	-
Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên HĐQT	30	-
Nguyễn Thanh Hoàng	Tổng Giám Đốc	-	803
Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	30	-
Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên BKS	18	341
Lê Minh Việt	Thành viên BKS	18	335

**e. Kế toán trưởng**

Ông PHAN NGỌC BÌNH	Kế toán trưởng
Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính Kế toán
Sở hữu cá nhân	19.302 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	0,19%

**f. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty**

Do cơ cấu tổ chức của Công ty chưa được hoàn chỉnh và sẽ còn nhiều thay đổi, nên giải pháp quản trị đầu tiên là đổi mới cơ cấu tổ chức theo hướng xác định lại nhiệm vụ cho các phòng ban hiện tại, và trong tương lai có thể thành lập thêm một số phòng ban và bộ phận mới (bộ phận marketing, phòng nghiên cứu và phát triển) cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty. Đồng thời, để phù hợp với sự thay đổi này, chức năng quản trị của Công ty sẽ được nâng lên theo hướng phân định rõ trách nhiệm cho các phòng ban, đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu, phát triển và dành cho các bộ phận một số quyền tự chủ nhất định để phát huy tính năng động, sáng tạo.

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ 10 người trong Ban lãnh đạo Công ty có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.



- g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Tổ chức/người giao dịch	Chức vụ hoặc quan hệ	Số lượng trước GD	Thực hiện Bán	Ngày thực hiện	Số lượng sau GD
LƯU XUÂN BÁ	Phó Tổng Giám Đốc (đã nghỉ việc)	25.200	25.200	31/12/2009	0
Các thành viên khác không thực hiện giao dịch					

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### a. Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Gồm 01 cổ đông nhà nước là **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM**

Đại diện phần vốn của Tổng công ty Lương thực Miền Nam:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phan Thị Ánh	133A đường 2/9, phường 1 Thị xã Vĩnh Long, Vĩnh Long	2.080.000	20,00%
2	Ông Đặng Kỳ Trung	181 Thái Phiên Phường 9 Quận 11 TP. HCM	2.080.000	20,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.160.000</b>	<b>40,00%</b>

#### ➤ Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 42 Chu Mạnh Trinh, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 38 292 342

Fax: (84-8) 38 298 001

Email: [vsfc@fmail.vnn.vn](mailto:vsfc@fmail.vnn.vn)

Website: <http://www.vinafood2.com>

#### ➤ Ngành nghề kinh doanh

Mua bán, xay xát, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, lúa mì, bột mì, nông sản. Mua bán thủy sản, phân bón, máy móc phục vụ ngành nông nghiệp, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, vật tư, thiết bị máy móc ngành công-nông nghiệp, rượu, bia, thuốc lá điếu (sản xuất

trong nước). Kinh doanh bất động sản. Quản lý khai thác cảng biển, bến thủy nội bộ. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ. Dịch vụ cho thuê kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). San lấp mặt bằng. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật điện, cơ khí, xây dựng. Sản xuất, đóng mới các phương tiện vận tải thủy.

Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi. Nuôi, chế biến thủy hải sản. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng. Dịch vụ hỗ trợ trồng trọt, cung cấp giống cây trồng, thu hoạch cây trồng.

Quảng cáo thương mại, tiếp thị. Kinh doanh lẻ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (hoặc quán ăn uống bình dân). (Không sản xuất, khai thác, chế biến, sửa chữa tại trụ sở công ty)

**b. Cổ đông lớn, nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

**Danh sách cổ đông lớn**

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Đại diện phần vốn Nhà nước : 1. Bà Phan Thị Ánh 2. Ông Đặng Kỳ Trung)	42 Chu Mạnh Trinh, Q.1, TP.HCM	4.160.000	40,00 %
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (Đại diện : Ông Anthony Nguyễn)	1-5 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM	3.928.578	37,77 %
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8.088.578</b>	<b>77,77%</b>

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM**

Xem mục VIII.2.a

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NGUYỄN KIM**

➤ **Trụ sở :**

Địa chỉ: 1-5 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 211 211

Fax: (84-8) 38 210 818

Email : [info@trade.nguyenkim.com](mailto:info@trade.nguyenkim.com)

Website : <http://www.nguyenkim.com>

➤ **Ngành nghề kinh doanh :** Kinh doanh bất động sản. Tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Mua bán xe ô tô, xe gắn máy, hàng điện – điện tử - điện lạnh – điện dân dụng, trang thiết bị - máy móc ngành công nông lâm ngư nghiệp, hàng trang trí nội ngoại thất, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ trang sức, lương thực, thực phẩm, đồ uống – bia – rượu (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở), đồ dùng cá nhân và gia đình. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).

**Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các cổ đông lớn**

Tính đến ngày 28/02/2010, Công ty chưa phát sinh các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn.

**c. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 28/02/2010**

<b>STT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Giá trị sở hữu (đồng)</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
<b>1</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>41.600.000.000</b>	<b>4.160.000</b>	<b>40,00%</b>
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>19.484.220.000</b>	<b>1.948.422</b>	<b>18,73%</b>
	- Trong nước	19.184.220.000	1.918.422	18,45%
	- Ngoài nước	300.000.000	30.000	0,29%
<b>3</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>42.915.780.000</b>	<b>4.291.578</b>	<b>41,27%</b>
	- Trong nước	42.915.780.000	4.291.578	41,27%
	- Ngoài nước	-		
<b>Tổng cộng</b>		<b>104.000.000.000</b>	<b>10.400.000</b>	<b>100%</b>

**d. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập**

**Thông tin về cổ đông sáng lập**

<b>STT</b>	<b>Tên Cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu/VĐL sáng lập</b>
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Đại diện phân vốn Nhà nước : 1. Bà Phan Thị Ánh 2. Ông Đặng Kỳ Trung)	42 Chu Mạnh Trinh, Q.1, TP.HCM	4.160.000	40,00%
2	Công ty CP Thương Mại Dịch vụ Hàng Hải Phú Mỹ (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Đức)	43 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Q.7, TP.HCM	230.000	2,21%
3	Công ty CP Thương Mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Đại diện: Ông Mã Đức Tú)	740A Quốc Lộ 52, Tổ 17, KP2, Q.9, TP.HCM	100.000	0,96%
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.490.000</b>	<b>43,17%</b>

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM**

Xem mục VIII.2.a

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀNG HẢI PHÚ MỸ**

➤ **Trụ sở :**

Địa chỉ: D2-20 (043) Khu Phố Mỹ Hưng, Nguyễn Văn Linh, Quận 7, TP.HCM.

Điện thoại: (84-8) 54 121 123, 54 120 254, 54 120 255

Fax: (84-8) 54 121 124

Email : [pmm@pmm.com.vn](mailto:pmm@pmm.com.vn)

Website: [www.pmm.com.vn](http://www.pmm.com.vn)

➤ **Ngành nghề kinh doanh :** Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Dịch vụ lai dắt tàu biển. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng. Kinh doanh kho bãi, cảng biển. Mua bán

phao cứu sinh, vật liệu xây dựng, dầu nhớt, vật tư-thiết bị-phụ tùng-phương tiện vận tải. Dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, đại lý vận tải đường biển, kiểm đếm hàng hóa, sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển. Sửa chữa, đóng mới phương tiện tải thủy (trừ tái chế phế thải, chế biến gỗ và xi mạ điện). Sản xuất sơn, sản phẩm cơ khí (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh vận tải hàng theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải thủy nội địa qua biên giới Việt Nam. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Dịch vụ khai thuế hải quan. Bổ sung : Mua bán xe ô tô-xe gắn máy và phụ tùng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

### **➤ Trụ sở :**

Địa chỉ: 740A, Quốc lộ 52, Tổ 17, Khu phố 2, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 966 819

Fax: (84-8) 38 963 210

Email : [timexcothuduc@hcm.vnn.vn](mailto:timexcothuduc@hcm.vnn.vn)

Website : <http://timexcothuduc.com.vn>

➤ **Ngành nghề kinh doanh :** Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu làm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại (trừ sản xuất thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải, chế biến gỗ, sản xuất gốm sứ, thủy tinh, gia công cơ khí, xi mạ điện). Kinh doanh dịch vụ kho bãi. Xây dựng và kinh doanh nhà. Mua bán xe máy, xe đạp, máy vi tính và thiết bị máy vi tính. Vận tải xăng dầu. Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas) (không mua bán tại trụ sở), bếp ga, đồ dùng cá nhân và gia đình, bách hóa mỹ phẩm. Sửa chữa, lắp ráp xe đạp. Mua bán điện thoại cố định, di động. Cho thuê nhà. Đại lý kinh doanh xăng dầu, nhớt, mỡ. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

### **Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập**

Đến thời điểm 28/02/2010

<b>Tổ chức/người giao dịch</b>	<b>Chức vụ hoặc quan hệ</b>	<b>Số lượng trước GD</b>	<b>Thực hiện Mua</b>	<b>Ngày thực hiện</b>	<b>Số lượng sau GD</b>
Công ty CP Hàng hải Phú Mỹ	Cổ đông sáng lập	200.000	30.000	18/12/2009	230.000

#### **e. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài**

<b>STT</b>	<b>Tên Cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
1	Ho Frank Tu	Số 07-09, đường 19C, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Tp. HCM	30.000	0,29%
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.000</b>	<b>0,29%</b>

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nước ngoài:** đến thời điểm 28/2/2010, Công ty chưa phát sinh giao dịch của cổ đông nước ngoài

## IX. Báo cáo tài chính kiểm toán

### 1. Báo cáo kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được lập ngày 22 tháng 02 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

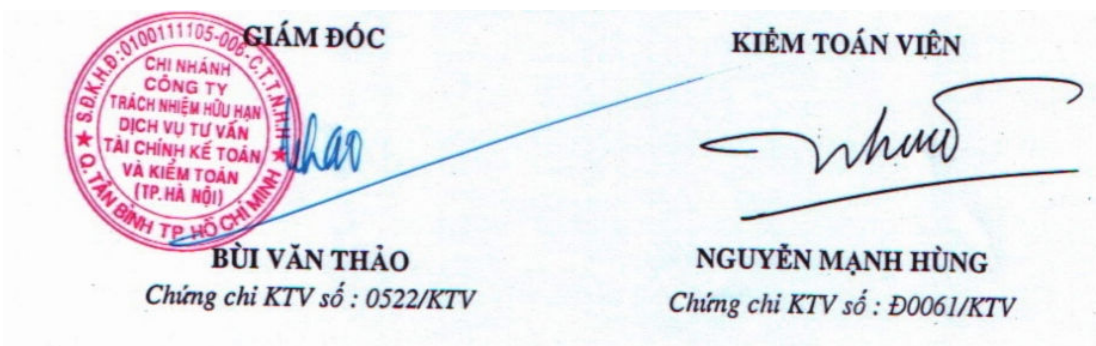
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TPHCM, ngày 25 tháng 02 năm 2010

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ  
VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN  
(AASC)**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>100</b>	<b>A . Tài sản ngắn hạn</b>		<b>322.842.834.746</b>	<b>149.635.823.680</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>31.172.668.989</b>	<b>14.947.090.700</b>
111	1. Tiền		3.471.764.989	14.947.090.700
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.700.904.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.2</b>	<b>1.926.228.400</b>	<b>1.152.200.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.709.830.700	1.970.933.300
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3.783.602.300)	(818.733.300)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>50.391.325.302</b>	<b>69.494.440.763</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		45.536.915.464	41.438.208.360
132	2. Trả trước cho người bán		4.292.642.211	27.536.926.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	620.567.627	561.306.403
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(58.800.000)	(42.000.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.4</b>	<b>224.759.361.227</b>	<b>41.504.427.278</b>
141	1. Hàng tồn kho		224.759.361.227	41.504.427.278
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.593.250.828</b>	<b>22.537.664.939</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.988.571.403	14.236.398.204
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	3.604.679.425	8.301.266.735



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>200</b>	<b>B . Tài sản dài hạn</b>		<b>114.238.954.437</b>	<b>110.622.690.244</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>88.097.287.771</b>	<b>88.170.017.211</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	70.911.544.085	72.280.696.536
222	- Nguyên giá		114.187.876.268	108.554.767.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(43.276.332.183)	(36.274.070.548)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	17.185.743.686	15.872.231.585
228	- Nguyên giá		17.294.880.300	15.960.661.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(109.136.614)	(88.430.215)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	17.089.090
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>25.750.000.000</b>	<b>22.021.839.700</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.8	20.250.000.000	5.250.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.9	5.500.000.000	16.771.839.700
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>391.666.666</b>	<b>430.833.333</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	391.666.666	430.833.333
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>437.081.789.183</b>	<b>260.258.513.924</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>300</b>	<b>A . Nợ phải trả</b>		<b>277.783.644.557</b>	<b>105.052.885.866</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>275.323.493.391</b>	<b>98.939.852.570</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.11	209.431.218.083	81.550.000.000
312	2. Phải trả cho người bán		942.436.847	2.206.134.414
313	3. Người mua trả tiền trước		39.972.379.250	128.005.767
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	11.732.468.891	797.553.374
315	5. Phải trả người lao động		6.329.392.039	10.478.656.361
316	6. Chi phí phải trả	V.13	1.012.889.055	406.113.082
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.14	5.902.709.226	3.373.389.572
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.460.151.166</b>	<b>6.113.033.296</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.15	2.329.949.000	6.010.000.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		130.202.166	103.033.296
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
<b>400</b>	<b>B . Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>159.298.144.626</b>	<b>155.205.628.058</b>
<b>410</b>	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.16</b>	<b>158.907.657.451</b>	<b>155.726.144.210</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		104.000.000.000	52.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		391.537.781	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		21.254.102.686	31.654.102.686
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		112.316.721	112.316.721
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.149.700.263	71.959.724.803
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>390.487.175</b>	<b>(520.516.152)</b>
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		390.487.175	(520.516.152)
432	2. Nguồn kinh phí		-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>437.081.789.183</b>	<b>260.258.513.924</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD	1.642.909,08	41.590,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-




# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)</b>	<b>VI.17</b>	<b>1.700.166.408.807</b>	<b>1.548.019.327.854</b>
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	<b>VI.18</b>	<b>1.179.599.432</b>	<b>1.938.043.917</b>
	Chiết khấu thương mại		-	-
	Giảm giá hàng bán		-	8.831.562
	Hàng bán bị trả lại		1.179.599.432	127.751.925
	Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo PP trực tiếp phải nộp		-	1.801.460.430
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VI.19</b>	<b>1.698.986.809.375</b>	<b>1.546.081.283.937</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán (*)</b>	<b>VI.20</b>	<b>1.620.062.903.341</b>	<b>1.285.114.735.987</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>78.923.906.034</b>	<b>260.966.547.950</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.21	68.530.516.118	24.654.185.585
22	7. Chi phí tài chính	VI.22	29.443.341.287	59.998.707.912
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		26.351.878.992	50.958.340.862
24	8. Chi phí bán hàng		46.111.497.772	81.147.885.474
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		32.030.417.739	40.745.914.301
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>39.869.165.354</b>	<b>103.728.225.848</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.23	3.464.640.034	3.121.081.147
32	12. Chi phí khác	VI.24	1.309.863.155	5.100.125.079
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>2.154.776.879</b>	<b>(1.979.043.932)</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>42.023.942.233</b>	<b>101.749.181.916</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.25	10.340.575.506	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>31.683.366.727</b>	<b>101.749.181.916</b>
<b>70</b>	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VI.26</b>	<b>3.046</b>	<b>19.567</b>

Lập ngày 22 tháng 02 năm 2010

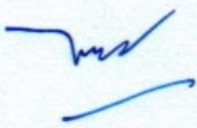
<p><b>Người lập biểu</b></p>  <p><b>Bàn Trung Trực</b></p>	<p><b>Kế toán trưởng</b></p>  <p><b>Phan Ngọc Bình</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Tổng Giám đốc</b></p>   <p style="text-align: center;"><b>Nguyễn Thanh Hoàng</b></p>
---	---	---

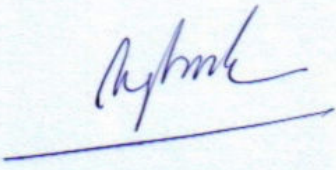
# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2009


(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.888.414.945.196	1.679.473.445.583
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.889.604.449.681)	(1.526.142.623.624)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.707.106.317)	(20.918.672.867)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(33.585.093.317)	(50.958.340.862)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(162.068.807)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		653.321.038.390	820.804.135.974
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(671.688.713.545)	(847.009.681.790)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(82.011.448.081)</b>	<b>55.248.262.414</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(8.456.515.348)	(32.086.150.667)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		1.332.971.992	228.800.627
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(279.254.470.241)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	283.424.420.837
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.271.839.700	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.821.059.428	7.007.367.011
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.030.644.228)</b>	<b>(20.680.032.433)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.941.948.792.552	2.004.601.626.526
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.817.747.574.469)	(2.036.663.474.521)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.298.154.000)	(2.304.762.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>100.903.064.083</b>	<b>(34.366.609.995)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>15.860.971.774</b>	<b>201.619.986</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>14.947.090.700</b>	<b>14.741.764.831</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		364.606.515	3.705.883
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>31.172.668.989</b>	<b>14.947.090.700</b>

Người lập biểu:   
Bành Trung Trực

Kế toán trưởng:   
Phan Ngọc Bình

Lập ngày 22 tháng 02 năm 2010  
Tổng Giám đốc:   
Nguyễn Thanh Hoàng



## **2. Bản thuyết minh báo cáo tài chính**

### **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn

giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25	Năm
- Máy móc, thiết bị	07 – 13	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị văn phòng	02 – 08	Năm
- Tài sản cố định vô hình	08 – 50	Năm

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trình bày theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên

doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;



- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ vốn góp, sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư 201/2009/TT-BTC.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, các khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất theo Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Nghị Định 187 /2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần thì Công ty được miễn thuế 2 năm 2007, 2008 và giảm 50% cho 2 năm 2009, 2010.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự phòng tài chính hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ công ty;

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa là 10% lợi nhuận sau thuế;

Trích Quỹ đầu tư phát triển tối đa là 10% lợi nhuận sau thuế;

Hội đồng Quản trị báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

**THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	629.025.600	884.425.800
Tiền gửi ngân hàng	2.842.739.389	14.062.664.900
Các khoản tương đương tiền (*)	27.700.904.000	-
<b>Cộng</b>	<b>31.172.668.989</b>	<b>14.947.090.700</b>

(\*) Chi tiết: toàn bộ là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, bao gồm :

Tên Ngân hàng	Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền USD	Số tiền VND
Ngân hàng Sacombank Vĩnh Long	070007118148	1 tháng	1,6%/năm	380.000	6.817.580.000
Ngân hàng Sacombank Vĩnh Long	070007133403	1 tháng	1,6%/năm	340.000	6.099.940.000
Ngân hàng Sacombank Vĩnh Long	070007423606	1 tháng	1,6%/năm	400.000	7.176.400.000
Ngân hàng Sacombank Vĩnh Long	070007423614	1 tháng	1,6%/năm	424.000	7.606.984.000
<b>Cộng</b>				<b>1.544.000</b>	<b>27.700.904.000</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (*)	565.933.300	565.933.300
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Viễn Đông (*)	405.000.000	405.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội (**)	4.738.897.400	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển Vĩnh Long	-	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (***)	(3.783.602.300)	(818.733.300)
<b>Cộng</b>	<b>1.926.228.400</b>	<b>1.152.200.000</b>

(\*) Cổ phiếu đang được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung HOSTC và HASTC

(\*\*) Cổ phiếu chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung

(\*\*\*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	4.160	565.933.300	160.992.000	(404.941.300)
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Viễn Đông	11.000	405.000.000	140.800.000	(264.200.000)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	132.068	4.738.897.400	1.624.436.400	(3.114.461.000)
<b>Cộng</b>		<b>5.709.830.700</b>	<b>1.926.228.400</b>	<b>(3.783.602.300)</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu tiền thường HĐQT Ban kiểm soát, thư ký	-	310.000.000
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	73.500.000
Phải thu khác	620.567.627	177.806.403
<b>Cộng</b>	<b>620.567.627</b>	<b>561.306.403</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.898.820.279	3.398.139.374
Chi phí SXKD dở dang	198.751.175	253.294.254
Thành phẩm	1.513.920.823	927.109.120
Hàng hóa	211.947.868.950	36.925.884.530
Hàng gửi đi bán	8.200.000.000	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>224.759.361.227</b>	<b>41.504.427.278</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	2.973.156.225	8.301.266.735
Ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng Sacombank Vĩnh Long	631.523.200	-
<b>Cộng</b>	<b>3.604.679.425</b>	<b>8.301.266.735</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>54.914.495.375</b>	<b>47.562.408.370</b>	<b>5.142.189.592</b>	<b>935.673.747</b>	<b>108.554.767.084</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>3.511.508.607</b>	<b>1.757.212.791</b>	<b>1.845.331.223</b>	<b>35.962.727</b>	<b>7.150.015.348</b>
- Do mua sắm	-	993.044.791	1.845.331.223	35.962.727	2.874.338.741
- Do XDCB	3.511.508.607	764.168.000	-	-	4.275.676.607
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>140.000.000</b>	<b>1.376.906.164</b>	<b>-</b>	<b>1.516.906.164</b>
- Do thanh lý TSCĐ	-	140.000.000	1.376.906.164	-	1.516.906.164
<b>Số cuối năm</b>	<b>58.426.003.982</b>	<b>49.179.621.161</b>	<b>5.610.614.651</b>	<b>971.636.474</b>	<b>114.187.876.268</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>21.131.120.006</b>	<b>11.439.571.896</b>	<b>3.292.317.693</b>	<b>411.060.953</b>	<b>36.274.070.548</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>2.870.070.624</b>	<b>4.042.102.420</b>	<b>339.763.812</b>	<b>129.072.959</b>	<b>7.381.009.815</b>
- Do trích khấu hao	2.870.070.624	4.042.102.420	339.763.812	129.072.959	7.381.009.815
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>35.303.326</b>	<b>343.444.854</b>	<b>-</b>	<b>378.748.180</b>
- Do thanh lý TSCĐ	-	35.303.326	343.444.854	-	378.748.180
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.001.190.630</b>	<b>15.446.370.990</b>	<b>3.288.636.651</b>	<b>540.133.912</b>	<b>43.276.332.183</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>33.783.375.369</b>	<b>36.122.836.474</b>	<b>1.849.871.899</b>	<b>524.612.794</b>	<b>72.280.696.536</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>34.424.813.352</b>	<b>33.733.250.171</b>	<b>2.321.978.000</b>	<b>431.502.562</b>	<b>70.911.544.085</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	15.868.099.800	-	-	92.562.000	15.960.661.800
Tăng trong năm	1.306.500.000	-	-	27.718.500	1.334.218.500
- Do mua sắm	1.306.500.000	-	-	27.718.500	1.334.218.500
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	17.174.599.800	-	-	120.280.500	17.294.880.300
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	36.611.032	-	-	51.819.183	88.430.215
Tăng trong năm	12.840.467	-	-	7.865.932	20.706.399
- Do trích khấu hao	12.840.467	-	-	7.865.932	20.706.399
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	49.451.499	-	-	59.685.115	109.136.614
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	15.831.488.768	-	-	40.742.817	15.872.231.585
Số cuối năm	17.125.148.301	-	-	60.595.385	17.185.743.686

**8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

20.250.000.000

5.250.000.000

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long

5.250.000.000

5.250.000.000

Công ty TNHH Domyfeed

15.000.000.000

-

**Cộng**

20.250.000.000

5.250.000.000

**9. Đầu tư dài hạn khác**

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

**Đầu tư cổ phiếu**

Số lượng

Mệnh giá

5.500.000.000

16.771.839.700

Công ty CP XNK An Giang

-

11.271.839.700

Nhà máy Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

500.000.000

500.000.000

Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ

500.000

10.000

5.000.000.000

5.000.000.000

**Cộng**

5.500.000.000

16.771.839.700

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Tiền thuê đất

391.666.666

430.833.333

**Cộng**

391.666.666

430.833.333

**11. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	205.751.218.083	77.870.000.000
Vay dài hạn hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 15)	3.680.000.000	3.680.000.000

**Cộng** **209.431.218.083** **81.550.000.000**

(\*) *Chi tiết:*

Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo tiền vay
NH HSBC CN HCM	LEFVNM901733	0,75%/ tháng	3 tháng	20.000.000.000	Tài sản
NH HSBC CN HCM	LEFVNM901795	0,83%/ tháng	3 tháng	2.000.000.000	Tài sản
NH TMCP An Bình PGD Vĩnh Long	08/09/GNN/III.2	12%/ năm	6 tháng	33.500.000.000	Tài sản
Ngân hàng TMCP Á Châu-CN.Tân Bình	64092159	9,8%/ năm	6 tháng	13.200.000.000	Tài sản
Ngân hàng TMCP Á Châu-CN.Tân Bình	64457619	9,8%/ năm	6 tháng	28.000.000.000	Tài sản
Ngân hàng TMCP Á Châu-CN.Tân Bình	65036719	9,8%/ năm	6 tháng	12.000.000.000	Tài sản
Ngân hàng TMCP Á Châu-CN.Tân Bình	69246159	10,5%/ năm	6 tháng	39.360.000.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0924700031	10%/ năm	4 tháng	3.999.940.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0925400027	10%/ năm	4 tháng	1.000.000.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0928100048	10%/ năm	4 tháng	1.500.000.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0934800042	10%/ năm	4 tháng	1.500.000.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0921966912	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0921966911	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0922500044	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0922900046	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0923000013	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0923300024	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0923300098	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0923600052	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0923800079	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0923800019	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Sacombank Vĩnh	LD0924000057	9,6%/năm	4 tháng	10.000	Tài sản
Tổng Công ty Tài chính dầu khí Việt	06/2009/HĐTD/ TCDK-CNCT	Theo từng khế ước	Theo từng khế ước	49.691.168.083	Tín chấp
<b>Cộng</b>				<b>205.751.218.083</b>	

<b>12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.493.907.178	556.120.645
Thuế TNDN	10.178.506.699	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.055.014	600.000
Thuế nhà đất	-	132.165.966
Các khoản phải nộp khác	-	108.666.763
<b>Cộng</b>	<b>11.732.468.891</b>	<b>797.553.374</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị

<b>13. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước lãi vay phải trả	922.551.043	315.775.070
Trích trước phí bảo hiểm ngành gạo xuất khẩu	90.338.012	90.338.012
<b>Cộng</b>	<b>1.012.889.055</b>	<b>406.113.082</b>

<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.580.000	190.979.450
Cổ tức phải trả các cổ đông	143.940.000	42.822.000
Chi phí phạt tàu phải trả Searice Ltd, Geneva Branch	2.271.557.912	2.271.557.912
Phải trả Sở tài chính tiền tạm ứng mua hàng phục vụ tết Nguyên Đán	3.300.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	173.631.314	868.030.210
<b>Cộng</b>	<b>5.902.709.226</b>	<b>3.373.389.572</b>

<b>15. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn ngân hàng	2.329.949.000	6.010.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.329.949.000</b>	<b>6.010.000.000</b>

(\*) Chi tiết:

Số hợp đồng và Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Số phải trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo tiền vay
01-2004/HĐTD Ngân hàng phát triển CN Vĩnh Long	5,4%/năm	6 năm	509.949.000	680.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
1446/2006/HĐ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Vĩnh Long	1,05%/tháng	7 năm	5.500.000.000	3.000.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Cộng</b>			<b>6.009.949.000</b>	<b>3.680.000.000</b>	



## 16. Vốn chủ sở hữu

### 16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>1. Số dư đầu kỳ này</b>	<b>52.000.000.000</b>	-	<b>31.654.102.686</b>	<b>112.316.721</b>	-	<b>71.959.724.803</b>	<b>155.726.144.210</b>
<b>2. Tăng trong kỳ</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>391.537.963</b>	-	-	<b>1.600.000.000</b>	<b>31.683.366.727</b>	<b>85.674.904.690</b>
Tăng vốn trong kỳ (*)	52.000.000.000	-	-	-	-	-	52.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	31.683.366.727	31.683.366.727
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.600.000.000	-	1.600.000.000
Tăng khác	-	391.537.963	-	-	-	-	391.537.963
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	<b>182</b>	<b>10.400.000.000</b>	-	<b>1.600.000.000</b>	<b>70.493.391.267</b>	<b>82.493.391.449</b>
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	70.493.391.267	70.493.391.267
Quỹ giảm trong kỳ	-	-	10.400.000.000	-	1.600.000.000	-	12.000.000.000
Giảm khác	-	182	-	-	-	-	182
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>391.537.781</b>	<b>21.254.102.686</b>	<b>112.316.721</b>	-	<b>33.149.700.263</b>	<b>158.907.657.451</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 03 tháng 03 năm 2009, Công ty phát hành 5.200.000 cổ phiếu (tương đương 52.000.000.000 đồng) từ nguồn lợi nhuận của Công ty năm 2008 là 41.600.000.000 đồng từ chia cổ tức và 10.400.000.000 đồng

### 16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	41.600.000.000	20.800.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	62.400.000.000	31.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>52.000.000.000</b>

**16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	52.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ tức năm 2007 đã chia	-	2.340.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia	23.400.000.000	-
- Cổ tức năm 2008 đã chia bằng cổ phiếu	41.600.000.000	-

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 03 tháng 03 năm 2009, Công ty công bố việc chi trả cổ tức là 125%/VĐL, trong đó: chi bằng tiền mặt là 45%/VĐL và bằng cổ phiếu là: 80%/VĐL. Ngoài ra, Công ty còn chi thường cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư

**16.4. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	5.200.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	10.400.000	5.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.400.000	5.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.400.000	5.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.400.000	5.200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi quyền biểu quyết</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/cổ phần	10.000	10.000

**16.5. Phân phối lợi nhuận**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	71.959.724.803	3.065.395.901
Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.683.366.727	101.749.181.916
Bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ nguồn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(29.789.457.113)
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	(112.316.721)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	(306.539.590)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.893.391.267)	(306.539.590)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	(1.600.000.000)	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	(41.600.000.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền	(23.400.000.000)	(2.340.000.000)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>33.149.700.263</b>	<b>71.959.724.803</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	1.699.325.886.574	1.545.210.325.908
Doanh thu cung cấp dịch vụ	840.522.233	2.809.001.946
<b>Cộng</b>	<b>1.700.166.408.807</b>	<b>1.548.019.327.854</b>

**18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giảm giá hàng bán	-	8.831.562
Hàng bán bị trả lại	1.179.599.432	127.751.925
Thuế xuất khẩu	-	1.801.460.430
<b>Cộng</b>	<b>1.179.599.432</b>	<b>1.938.043.917</b>

**19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.698.146.287.142	1.543.272.281.991
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	840.522.233	2.809.001.946
<b>Cộng</b>	<b>1.698.986.809.375</b>	<b>1.546.081.283.937</b>

**20. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.603.415.212.806	1.232.736.875.796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.647.690.535	52.377.860.191
<b>Cộng</b>	<b>1.620.062.903.341</b>	<b>1.285.114.735.987</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.835.052.028	1.900.009.109
Lãi mua bán chứng khoán	1.769.958.300	-
Lãi trái phiếu chính phủ	-	57.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	986.007.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.776.211.724	17.026.985.038
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	546.333.536
Lãi bán hàng trả chậm	163.286.666	5.122.356.102
Doanh thu tài chính khác	-	1.301.800
<b>Cộng</b>	<b>68.530.516.118</b>	<b>24.654.185.585</b>

**22. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	26.351.878.992	50.958.340.862
Chiết khấu thanh toán	-	26.191.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	105.037.532	8.195.441.913
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	2.964.869.000	818.733.300
Chi phí tài chính khác	21.555.763	-
<b>Cộng</b>	<b>29.443.341.287</b>	<b>59.998.707.912</b>

**23. Thu nhập khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.339.903.810	440.866.263
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	2.331.640.845
Thu nhập thanh lý công cụ dụng cụ, bao bì	976.679.559	-
Thu tiền thưởng tàu	440.653.026	-
Phí lưu Cont	356.177.165	-
Thu nhập khác	351.226.474	348.574.039
<b>Cộng</b>	<b>3.464.640.034</b>	<b>3.121.081.147</b>

**24. Chi phí khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.138.157.984	53.342.561
Chi phí thanh lý TSCĐ	6.931.818	-
Chi phạt vi phạm hợp đồng	-	2.271.557.912
Chi phí khác	164.773.353	2.775.224.606
<b>Cộng</b>	<b>1.309.863.155</b>	<b>5.100.125.079</b>

**25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng ưu đãi</b>	<b>(26.305.625.519)</b>	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	1.701.656.899.973	-
Chi phí từ hoạt động kinh doanh	1.727.962.525.492	-
<b>Thu nhập khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không được ưu đãi</b>	<b>68.329.567.752</b>	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.835.052.028	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.769.958.300	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.776.211.724	-
Lãi bán hàng chậm trả	163.286.666	-
Tiền thưởng tàu	440.653.026	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	194.814.008	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	149.592.000	-
<b>Thu nhập trước thuế TNDN</b>	<b>42.023.942.233</b>	<b>101.749.181.916</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>324.367.192</b>	<b>5.245.269.882</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khoản chi phí không hợp lệ	324.367.192	5.245.269.882
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>986.007.400</b>	<b>603.533.536</b>
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế nhận được từ các hoạt động đã chịu thuế TNDN	986.007.400	-
Lãi trái phiếu chính phủ	-	57.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện không chịu thuế	-	546.333.536
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>41.362.302.025</b>	<b>106.390.918.262</b>
Thuế TNDN hiện hành	10.340.575.506	29.789.457.113
Thuế TNDN được miễn giảm (*)	-	(29.789.457.113)
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.340.575.506</b>	-

(\*) Theo Nghị Định 187 /2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần thì Công ty được miễn thuế 2 năm 2007, 2008 và giảm 50% cho 2 năm 2009, 2010.

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>31.683.366.727</b>	<b>101.749.181.916</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>31.683.366.727</b>	<b>101.749.181.916</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ (*)	5.200.000	-
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.400.000	5.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.046</b>	<b>19.567</b>

(\*) Công ty tính số lượng cổ phiếu phổ thông tăng trong kỳ từ ngày 01/01/2009

**27. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.158.229.762.133	1.268.373.935.755
Chi phí nhân công	3.236.004.843	3.329.503.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	850.000.000	829.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.792.849.973	6.520.432.641
<b>Cộng</b>	<b>1.170.108.616.949</b>	<b>1.279.052.871.524</b>

**VII. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

